TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Gấm và ông Nguyễn Văn Tuyến.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu B, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu B, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.Hiện đang chấp hành án tại: Tổ A, Phân trại số C, Trại giam T1, Bộ C.

(Chị L, anh A đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1,Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày: Chị và anh Trần Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2020 tại UBND xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về chung sống

cùng anh A và bố mẹ anh A tại khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì anh A phạm tội về ma tuý, phải đi chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 3, trại giam Tân Lập nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ năm 2021 khi anh A đi chấp hành án phạt tù thì chị vẫn ở nhà cùng bố mẹ anh A. Cuộc sống giữa chị và bố mẹ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 12/2024 chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Từ tháng 5/2024 đến nay chị không còn đi thăm anh A và về chung sống cùng bố mẹ anh A nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là Trần Đại Q, sinh ngày 13/9/2017 và Trần Đại P, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

2, Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2025 bị đơn anh Trần Ngọc A trình bày: Anh và chị Hà Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2020 tại UBND xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh và bố mẹ anh tại khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì anh phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" nên phải đi chấp hành hình phạt tù 16 năm 06 tháng tù tại Tổ A, Phân trại số C, trại giam T2, Bộ C nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu chị L vẫn thăm nom anh, nhưng từ tháng 12/2024 chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở và không còn thăm nom anh, cũng không quay về chung sống cùng bố mẹ anh nữa. Nay chị L xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Trần Đại Q, sinh ngày 13/9/2017 và Trần Đại P, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh nhất trí giao cả 02 con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Trần Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Nguyện vọng của cháu Trần Đại Q: Cháu Q có nguyện vọng xin được ở với chị L.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Minh Thắng ngày 24/4/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Hà Thị L và anh Trần Ngọc A có đăng

ký kết hôn ngày 18/6/2020 tại UBND xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh A và bố mẹ anh A tại khu B, xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2021 thì anh A phạm tội về ma tuý phải đi chấp hành án phạt tù. Khi anh A đi chấp hành hình phạt tù thì chị L vẫn ở nhà cùng bố mẹ anh A. Đến cuối năm 2024 chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tại khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Từ đó chị L không quay về chung sống cùng bố mẹ anh A nữa. Chị L, anh A có 02 con chung là Trần Đại Q, sinh ngày 13/9/2017 và Trần Đại P, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở với chị L. Anh A hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số C, Trại giam T1, Bộ C ở địa chỉ xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chị L xin ly hôn anh A quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Trần Ngọc A.

Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là Trần Đại Q, sinh ngày 13/9/2017 và Trần Đại P, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Ngọc A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh Trần Ngọc A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Ngọc A phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh A có hộ khẩu thường trú tại khu B, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L, anh A đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh A là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 18/6/2020 trên cơ sở tự nguyện. Chị L và anh A đều xác nhận vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì anh A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" phải đi chấp hành hình phạt tù tại Tổ A, Phân trại số C, trại giam T2, Bộ C nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu chị L vẫn thăm nom anh A, nhưng từ tháng 12/2024 chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở, từ đó không đến thăm nom anh A nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh A đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Chị L xin ly hôn, anh Anh N trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lai và anh A là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh A đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Đại Q, sinh ngày 13/9/2017 và Trần Đại P, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị L, khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh A nhất trí giao cả 02 con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L tự nguyện không yêu cầu. Nguyện vọng của cháu Q đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thoả thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L, anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Trần Ngọc A.

[2]. Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là Trần Đại Q, sinh ngày 13/9/2017 và Trần Đại P, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Hà Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Ngọc A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh Trần Ngọc A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005135 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị L 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Trần Ngọc A phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã M;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền